

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
Ngành: Quản trị kinh doanh

Mã ngành: 8340101

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 546/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 30/05/2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)*

Hà Nội – 2026

MỤC LỤC

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo	1
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo	1
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo	2
2. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường	2
2.1. Sứ mạng	2
2.2. Tầm nhìn phát triển	2
2.3. Giá trị cốt lõi	2
2.4. Triết lý giáo dục	2
3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	2
3.1. Mục tiêu chung	2
3.2. Mục tiêu cụ thể	3
4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	3
4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	3
4.2. Trình độ ngoại ngữ	5
4.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp	5
4.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	6
4.5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo	6
5. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo	6
6. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam	7
7. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp	8
7.1 Thông tin tuyển sinh	8
7.2. Điều kiện tốt nghiệp	9
8. Chiến lược giảng dạy và học tập	10
9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá	15
9.1. Các hình thức đánh giá	15
9.2. Điểm đánh giá học phần	18
9.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)	20
9.4. Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)	26
10. Cấu trúc chương trình đào tạo	26

10.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá	26
10.2. Nội dung chương trình đào tạo	27
10.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến.....	29
11. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs).....	31
12. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo	33
13. Mô tả tóm tắt học phần	34
14. Hướng dẫn thực hiện.....	46
15. Đánh giá và cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo.....	48



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 546/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 30/05/2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)*

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Master of Business Administration - MBA) của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được xây dựng theo định hướng ứng dụng nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. Chương trình được thiết kế nhằm phát triển năng lực của người học, giúp học viên bổ sung, cập nhật những kiến thức hiện đại và chuyên sâu về quản trị và kinh doanh, tăng cường kiến thức liên ngành, giúp cho người học tiếp cận và hiểu sâu về các lĩnh vực cần thiết trong quản trị một tổ chức như: quản trị chiến lược, quản trị nguồn nhân lực, quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị vận hành và chuỗi cung ứng, kinh doanh quốc tế, đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế, lãnh đạo trong tổ chức, v.v. Người học có thể vận dụng những kiến quản trị vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và năng lực phát hiện, giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động kinh doanh. Đồng thời, học viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở trình độ bậc cao hơn.

Giá trị của chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp không chỉ gói gọn trong lĩnh vực kinh doanh mà còn hết sức hữu ích cho những ai đang theo đuổi sự nghiệp lãnh đạo trong mọi lĩnh vực, ngành nghề, ngay cả trong quản lý xã hội hay quản lý nhà nước, .v.v. Người học sau khi tốt nghiệp sẽ phát huy được năng lực tốt nhất trong thực tiễn, có điều kiện trở thành những nhà lãnh đạo trong các cơ quan chính quyền nhà nước, những nhà quản trị hiệu quả tại các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp, những doanh nhân có tầm nhìn sáng tạo và tri thức về quản trị kinh doanh.

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, ban hành ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ GD&ĐT về “Quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ giáo dục đại học”. Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã ban hành các văn bản về việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học để các Khoa làm cơ sở trong việc xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo, đáp ứng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với mục tiêu, chiến lược đào tạo của Trường.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Quản trị kinh doanh
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Business Administration
3. Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
4. Ngành đào tạo:	Quản trị kinh doanh
5. Mã ngành:	8340101
6. Thời gian đào tạo	2 năm
7. Loại hình đào tạo:	Chính quy
8. Ngôn ngữ giảng dạy:	Tiếng Việt
9. Tên văn bằng tốt nghiệp	Thạc sĩ quản trị kinh doanh
10. Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
11. Website	https://uneti.edu.vn/
12. Khoa Quản lý CTĐT	Khoa Quản trị và Marketing
13. Ngày tháng ban hành/cập nhật:	

2. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường

2.1. Sứ mạng

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ, thực hiện các chức năng giáo dục – đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước.

2.2. Tầm nhìn phát triển

Đến năm 2030 trở thành trường đại học định hướng ứng dụng uy tín, nằm trong nhóm các trường đại học ứng dụng hàng đầu của cả nước

2.3. Giá trị cốt lõi

Phát triển bền vững, coi trọng chất lượng, hiệu quả, luôn tự đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội. Lấy mục tiêu phát triển bền vững là nền tảng; Chất lượng, hiệu quả là mục tiêu hướng tới; Đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội là phương châm hành động.

2.4. Triết lý giáo dục

“Học tập để kiến tạo tương lai”

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế

– Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chuyên sâu, có hệ thống về các lĩnh vực cốt lõi của quản trị kinh doanh và năng lực lãnh đạo, điều hành, tổ chức thực thi các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; đồng thời nâng cao năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

Học viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong ngành bằng cách vận dụng tích hợp tư duy hệ thống, năng lực số và nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI), sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số và hội nhập quốc tế, đóng góp vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Vận dụng kiến thức chuyên sâu, có hệ thống về các lĩnh vực cốt lõi của quản trị kinh doanh (chiến lược, tài chính, marketing, nhân sự/vận hành...) để phân tích, đánh giá và ra quyết định dựa trên dữ liệu, nhằm giải quyết các vấn đề kinh doanh phức tạp trong bối cảnh số và hội nhập.

PO2: Thành thạo kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu, kỹ năng nghiên cứu và truyền đạt tri thức trong kinh doanh, tư duy phản biện, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; vận dụng công cụ số và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo phù hợp với lĩnh vực quản trị kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp.

PO3: Chịu trách nhiệm và thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội; dẫn dắt và quản lý hoạt động chuyên môn trong tổ chức và tự học suốt đời để thích ứng linh hoạt với môi trường số và hội nhập.

4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ có khả năng:

4.1.1. Chuẩn đầu ra kiến thức

PLO1: Áp dụng các phương pháp luận và nghiên cứu khoa học để giải quyết các yêu cầu lập luận chuyên môn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

- PI 1.1: Áp dụng thể giới quan và phương pháp luận khoa học vào phân tích và luận giải các vấn đề thực tiễn trong doanh nghiệp.

- PI 1.2: Lựa chọn và sử dụng phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để thu thập, xử lý và diễn giải bằng chứng phục vụ lập luận chuyên môn trong quản trị kinh doanh.

PLO2: Phân tích các vấn đề phức tạp thuộc các chức năng quản trị trong doanh nghiệp dựa trên dữ liệu và lý thuyết quản trị kinh doanh hiện đại nhằm đề xuất giải pháp khả thi và hiệu quả trong bối cảnh doanh nghiệp.

- PI 2.1: Phân tích các vấn đề phức tạp thuộc các chức năng quản trị trong doanh nghiệp (marketing, tài chính, nhân sự, vận hành...) bằng dữ liệu và khung lý thuyết phù hợp nhằm xác định nguyên nhân và tác động của vấn đề trong bối cảnh doanh nghiệp.

- PI 2.2: Đề xuất và lựa chọn giải pháp quản trị khả thi, hiệu quả, đồng thời phác thảo định hướng triển khai phù hợp với bối cảnh doanh nghiệp.

PLO3: Đánh giá và lựa chọn công nghệ, công cụ ứng dụng mới phù hợp, đồng thời tích hợp kiến thức liên ngành nhằm nhận diện cơ hội và phát triển chiến lược hoặc mô hình kinh doanh thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh.

- PI 3.1: Đánh giá và lựa chọn công nghệ, công cụ ứng dụng mới phù hợp nhằm nhận diện cơ hội hoặc giải quyết vấn đề kinh doanh cụ thể trong bối cảnh ngành hoặc doanh nghiệp.

- PI 3.2: Tích hợp kiến thức liên ngành và dữ liệu phân tích để nhận diện cơ hội, phát triển chiến lược hoặc mô hình kinh doanh thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh.

4.1.2. Chuẩn đầu ra kỹ năng

PLO4: Trình bày, thảo luận và bảo vệ quan điểm chuyên môn/khoa học trên cơ sở dữ liệu và kết quả nghiên cứu trước người cùng chuyên môn và các bên liên quan.

- PI 4.1: Thực hiện tuân thủ việc truyền đạt tri thức bằng báo cáo và thuyết trình có cấu trúc, trong đó sử dụng bằng chứng từ dữ liệu và kết quả nghiên cứu trước người cùng chuyên môn và các bên liên quan.

- PI 4.2: Phối hợp lập luận, bằng chứng từ kết quả nghiên cứu và kỹ năng phản biện để thảo luận và bảo vệ quan điểm học thuật với người cùng chuyên môn và các bên liên quan.

PLO5: Triển khai phân tích và đánh giá dữ liệu chuyên sâu bằng công cụ số và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo phù hợp nhằm đề xuất giải pháp khoa học, khả thi trong các hoạt động quản trị kinh doanh.

- PI 5.1: Triển khai thu thập, làm sạch, tổ chức, phân tích và đánh giá dữ liệu bằng công cụ số và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo phù hợp trong tình huống quản trị kinh doanh cụ thể.

- PI 5.2: Kết hợp kết quả phân tích dữ liệu với hiểu biết nghiệp vụ để phát triển khuyến nghị hoặc giải pháp quản trị kinh doanh có căn cứ khoa học và khả thi trong bối cảnh doanh nghiệp.

PLO6: Tổ chức và điều hành các nghiệp vụ quản trị kinh doanh một cách khoa học, hiệu quả nhằm thực thi mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp.

- PI 6.1 Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nghiệp vụ quản trị kinh doanh và bộ tiêu chí đánh giá phù hợp với mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp.

- PI 6.2: Điều hành, kiểm soát và đánh giá việc thực hiện nghiệp vụ quản trị kinh doanh nhằm đề xuất giải pháp cải tiến, nâng cao hiệu quả thực thi mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp.

4.1.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO7: Thể hiện năng lực tự định hướng phát triển nghề nghiệp, thích ứng với bối cảnh thay đổi và chịu trách nhiệm đối với quyết định chuyên môn trong thực tiễn quản trị kinh doanh.

- PI 7.1: Thể hiện cam kết tự định hướng phát triển nghề nghiệp thông qua việc chủ động lập kế hoạch cập nhật tri thức, công nghệ mới thích ứng với bối cảnh thay đổi của môi trường kinh doanh.

- PI 7.2: Chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định chuyên môn bằng cách biện minh dựa trên dữ liệu và kiến thức chuyên môn trong thực tiễn quản trị kinh doanh.

PLO8: Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và lãnh đạo/dẫn dắt người khác thực hiện nhiệm vụ gắn với đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp.

- PI 8.1: Hình thành các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong việc ra quyết định và thực hiện nhiệm vụ gắn với dự án quản trị kinh doanh.

- PI 8.2: Thể hiện năng lực lãnh đạo/dẫn dắt người khác thực hiện nhiệm vụ gắn với đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp.

4.2. Trình độ ngoại ngữ

Người học tự học để đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

4.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng ứng dụng, người học có thể đảm nhận các vị trí quản lý, điều hành, tư vấn, nghiên cứu và phát triển kinh doanh trong các doanh nghiệp, tổ chức công, tổ chức phi lợi nhuận, cơ sở giáo dục và các tổ chức trong nước hoặc quốc tế, cụ thể:

- Nhà quản trị cấp trung hoặc cấp cao trong các lĩnh vực chiến lược, marketing, bán hàng, tài chính, nhân sự, vận hành, chuỗi cung ứng, chuyển đổi số và phát triển kinh doanh.

- Trưởng/phó bộ phận chức năng, giám đốc dự án, giám đốc kinh doanh, giám đốc vận hành hoặc giám đốc điều hành tại các doanh nghiệp, tổ chức.

- Doanh nhân, nhà sáng lập, chủ doanh nghiệp hoặc nhà quản lý doanh nghiệp tư nhân.

- Chuyên gia tư vấn quản trị, tư vấn chiến lược, tư vấn chuyển đổi số, tư vấn phát triển tổ chức và cải tiến hoạt động kinh doanh.

- Chuyên viên/chuyên gia phân tích kinh doanh, hoạch định chính sách, xây dựng chiến lược và phát triển thị trường.

- Nghiên cứu viên, giảng viên hoặc cán bộ quản lý đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu và tổ chức đào tạo, tư vấn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

4.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp ở trình độ cao hơn, cụ thể:

- Tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, quản lý kinh tế, khoa học quản lý hoặc các lĩnh vực liên quan.
- Tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu và chứng chỉ nghề nghiệp về lãnh đạo, chiến lược, tài chính, marketing, nhân sự, vận hành, chuỗi cung ứng, quản trị dự án, phân tích dữ liệu, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh.
- Chủ động tự học, tự nghiên cứu, cập nhật tri thức, công nghệ và phương pháp quản trị mới nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp trong bối cảnh số và hội nhập quốc tế.
- Phát triển năng lực nghiên cứu ứng dụng, tư vấn quản trị và giải quyết các vấn đề thực tiễn tại doanh nghiệp, tổ chức hoặc cộng đồng nghề nghiệp.

4.5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo

- Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành.
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
- Khung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh định hướng ứng dụng của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng.
- Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) của Đại học Boston (USA).

5. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng học viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 1. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT							
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
PO1	X	X	X					
PO2				X	X	X		
PO3							X	X

6. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Bảng 2. Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo	KN1: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học;	TCTN1: Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.
KT2: Kiến thức liên ngành có liên quan	KN2: Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.	TCTN2: Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.
KT3: Kiến thức chung về quản trị và quản lý	KN3: Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.	TCTN 3: Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn
	KN4: Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.	TCTN 4: Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.
	KN5: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	

Bảng 3. Đối sánh giữa Chuẩn đầu ra của CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

CDR theo Khung TDQG Chuẩn đầu ra	Kiến thức			Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO1	X			X			X		X		X	
PLO2	X	X		X							X	
PLO3		X		X			X		X	X		
PLO4				X	X						X	
PLO5	X	X		X			X		X			
PLO6			X	X		X					X	X
PLO7										X	X	
PLO8			X		X	X	X		X	X		X

Lưu ý: KN5 được đưa vào phần điều kiện đầu ra ngoại ngữ của chương trình, không ánh xạ trực tiếp vào PLO.

7. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

7.1 Thông tin tuyển sinh

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thông báo và hướng dẫn của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (<https://uneti.edu.vn/chuyen-muc/tuyen-sinh>)

(1). Đối tượng tuyển sinh:

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển. Các ngành phù hợp mà không phải là ngành đúng sẽ phải học bổ sung/ chuyển đổi kiến thức (theo bảng danh mục ngành phù hợp và các học phần chuyển đổi/ bổ sung liên thức). Các trường hợp đặc biệt sẽ do Nhà trường quyết định;

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo;

- Danh mục ngành phù hợp và các học phần bổ sung/ chuyển đổi kiến thức:

TT	Ngành tốt nghiệp đại học	Các học phần bổ sung/chuyển đổi kiến thức (tên học phần, số tín chỉ)
1	Quản trị kinh doanh Marketing Bất động sản Kinh doanh quốc tế Kinh doanh thương mại Thương mại điện tử Kinh doanh thời trang và dệt may	Không học bổ sung kiến thức
2	Quản lý công Quản trị nhân lực Hệ thống thông tin quản lý Quản trị văn phòng Quản lý dự án Quản lý công nghiệp Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Quản trị khách sạn	1. Quản trị chiến lược, 3 TC
3	Kinh tế Tài chính - Ngân hàng Bảo hiểm	1. Quản trị chiến lược, 3 TC 2. Quản trị nhân lực, 3 TC

TT	Ngành tốt nghiệp đại học	Các học phần bổ sung/chuyển đổi kiến thức (tên học phần, số tín chỉ)
	Kế toán Kiểm toán Khoa học quản lý	
4	Thí sinh tốt nghiệp đại học các ngành không thuộc danh mục kể trên nhưng trong chương trình đào tạo đại học phải có 2 trong các học phần: (1) Toán cao cấp/Toán ứng dụng trong kinh tế/Toán cao cấp cho các nhà kinh tế/Toán đại cương/Toán ứng dụng/Lý thuyết xác suất thống kê/Xác suất thống kê/Lý thuyết xác suất và thống kê toán (2) Kinh tế học/Kinh tế vi mô/Kinh tế học vi mô/Kinh tế vĩ mô/Kinh tế học vĩ mô/Kinh tế ứng dụng/Kinh tế quản lý (3) Các học phần Quản trị/Quản lý/Kinh doanh (các học phần có từ “quản trị”, “quản lý”, “kinh doanh”)	1. Quản trị học, 3 TC 2. Quản trị chiến lược, 3 TC 3. Quản trị nhân lực, 3 TC

- Các quy định khác: Theo quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

(2) Phương thức tuyển sinh:

- Xét tuyển: Xét tuyển gồm 3 môn cụ thể:
+ Môn ngoại ngữ: Theo quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường
+ Hai môn khác là tổ hợp cao nhất của ứng viên được nhà trường thông báo tại các đợt tuyển sinh hàng năm.

+ Hình thức và quy trình xét tuyển trong mỗi kỳ tuyển sinh do Trường quyết định.

- Thi tuyển: thí sinh sẽ thi 3 môn gồm:

+ Môn 1: Quản trị học

+ Môn 2: Quản trị chiến lược

+ Môn ngoại ngữ: Theo quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường

7.2. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên hoàn thành các học phần trong Chương trình đào tạo và đáp ứng đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Chiến lược giảng dạy và học tập

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh được triển khai giảng dạy theo phương pháp giảng dạy tích cực thúc đẩy học viên phát triển ý tưởng sáng tạo. Để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, Khoa Quản trị và Marketing đã xây dựng các chiến lược giảng dạy – học tập và các phương pháp dạy và học cụ thể. Việc lựa chọn phương pháp dạy học, hình thức tổ chức hoạt động dạy học vừa phải đảm bảo phù hợp đặc thù của khoa, vừa trang bị cho học viên các kỹ năng nghề nghiệp cũng như các kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Học viên sẽ sử dụng các phương pháp học tập chủ động, giảng viên đóng vai trò là người hướng dẫn, lấy người học làm trung tâm, kết hợp lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học đa dạng như học với nhóm, thuyết trình, tăng cường thảo luận, nghiên cứu tình huống, chuyên đề, mở rộng phạm vi học tập... nhằm phát triển khả năng tự học của học viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn ngành quản trị kinh doanh, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm bổ trợ cần thiết cho phát triển nghề nghiệp và thúc đẩy động cơ khởi nghiệp.

Các chiến lược giảng dạy và học được thiết kế nhằm giúp người học đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Bảng 4. Các chiến lược và phương pháp dạy – học

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
1	<i>Giảng dạy trực tiếp:</i> - Thông tin được truyền đạt đến học viên theo cách trực tiếp: giáo viên giảng bài và học viên lắng nghe. - Áp dụng trong các lớp học truyền thống và đặc biệt hiệu quả khi giảng viên muốn truyền đạt cho học viên những kiến thức cơ bản hoặc giải thích một kỹ năng mới.	<i>Thuyết giảng (Lecture)</i>	GV trình bày và giải thích nội dung bài giảng. Học viên có trách nhiệm nghe và ghi lại các điều cần thiết để đạt được kiến thức.	PLO1 PLO2 PLO3 PLO5 PLO6 PLO8
		<i>Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)</i>	GV hướng dẫn và giải thích các khía cạnh của nội dung bài học, giúp học viên đạt được các kiến thức và kỹ năng.	PLO1 PLO2 PLO3 PLO5 PLO6 PLO8

2	Dạy học hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học: - Phát triển tư duy phê phán, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phân tích và thực hành kỹ năng phản xạ trong phương pháp học tập của học viên. - Thúc đẩy tư duy và học tập sáng tạo, độc lập, bao gồm: giải quyết vấn đề, động não và nghiên cứu trường hợp cụ thể.	<i>Giải quyết vấn đề (Problem Solving)</i>	- Đặt vấn đề (GV tạo tình huống bài học) - HV phải dùng tư duy sâu và logic để nhìn nhận và giải quyết các vướng mắc giữa tình hình hiện tại và mục tiêu mong muốn, qua đó, học được các kiến thức mới trong khi đối mặt và giải quyết vấn đề. - Kết luận và vận dụng	PLO1 PLO2 PLO3 PLO5 PLO6 PLO7
		<i>Tập kích não (Brainstorming)</i>	- Trong quá trình làm việc nhóm, học viên đặt ra các câu hỏi, ý tưởng và ví dụ, được dùng để minh họa, mở rộng và đào sâu vào ý tưởng chính hoặc chủ đề. - Học viên đóng góp ý kiến nhằm phát triển cách suy nghĩ sáng tạo, tìm kiếm ý tưởng và phương pháp giải quyết vấn đề. - Kết luận và vận dụng	PLO2 PLO3 PLO4 PLO7 PLO8
		<i>Học theo tình huống (Case Study)</i>	- Giảng viên sẽ đưa ra các nhiệm vụ và các mốc thời gian tùy theo từng tình huống thực tế tại doanh nghiệp ứng với từng nội dung học phần. - Học viên nghiên cứu tình huống, xác định và phân tích vấn đề sẽ giúp học viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định và kỹ năng học tập. - Báo cáo kết quả sẽ giúp học viên tạo ra lối tư duy sâu để trao đổi với giảng viên, học viên khác.	PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8

3	Dạy học dựa trên hoạt động: - Khuyến khích học viên học tập thông qua các hoạt động thực tế. - Học viên có cơ hội trải nghiệm thực tế, thực hiện các khám phá, đưa ra quyết định, giải quyết vấn đề và tự mình tương tác với người khác.	<i>Trò chơi (Game)</i>	- Trò chơi có thể được giảng viên đưa ra để mở đầu hoặc kết thúc bài học. - Trò chơi cũng có thể được nhóm học viên đưa ra từ sự khuyến khích của giảng viên trong quá trình làm việc nhóm để mở đầu hoặc kết thúc bài thuyết trình của nhóm.	PLO2 PLO4 PLO6 PLO7 PLO8
		<i>Đi thực tế (Field Trip)</i>	- Thực hiện giới thiệu, tìm hiểu thực tế các hoạt động tại doanh nghiệp và học viên qua việc lĩnh hội các kiến thức đã được học sẽ trình bày về thực tế mình tìm hiểu được liên quan đến chủ đề của nội dung học tập. - Sử dụng cho một nhóm các học phần của chuyên ngành và được thực hiện gắn với hoạt động ngoại khóa của chương trình đào tạo.	PLO2 PLO4 PLO6 PLO7 PLO8
		<i>Tranh luận (Debates)</i>	- Giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan tới bài học và học viên, với những ý kiến khác nhau, cố thuyết phục người khác đồng ý với quan điểm của mình. - Học viên đạt được những kỹ năng hữu ích như tư duy sâu, đàm phán, ra quyết định, và nói trước đám đông.	PLO1 PLO2 PLO4 PLO7 PLO8
		<i>Thực hành (Practice)</i>	- Giảng viên đưa ra đề bài thực hành, hướng dẫn về nội dung các bài thực hành. - Học viên được chia thành các nhóm nhỏ để giải	PLO1 PLO2 PLO4 PLO7 PLO8

			quyết các vấn đề nhất định và hiển thị kết quả bằng cách báo cáo hoặc giảng bài hoặc có thể tiến hành thao tác theo cá nhân. - Học viên được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản qua các bài thực hành từ đơn giản cho đến phức tạp	
4	<i>Dạy học hướng phát huy tính tự học, tự nghiên cứu:</i> Áp dụng trong các học phần có bài tập lớn, chuyên đề, thiết kế trong môn học đề án tốt nghiệp, các báo cáo chuyên đề, làm bài tập ở nhà, viết báo cáo môn học, trình bày kế hoạch và học tập tự do – tự nghiên cứu tài liệu tham khảo có liên quan.	<i>Dự án nghiên cứu/ đề án nghiên cứu (Research Project):</i>	- Thiết kế ý tưởng dự án (gồm các bước: xác định vấn đề thực tiễn, mục tiêu dự án, nguồn hỗ trợ học viên thực hiện, thiết kế công cụ đánh giá sản phẩm dự án) - Tổ chức dạy học dự án (gồm các bước: xây dựng ý tưởng dự án, quyết định chủ đề; xây dựng kế hoạch thực hiện; thực hiện dự án; báo cáo dự án và đánh giá)	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8
		<i>Bài tập cá nhân (Work Assignment):</i>	- Giảng viên giao đề bài, bài tập cá nhân. - Học viên được yêu cầu phải hoàn thành các bài tập của giảng viên tại nhà. Yêu cầu khả năng tư duy độc lập để giải quyết vấn đề/tình huống/bài thực hành được đưa ra trên cơ sở vận dụng kiến thức, kỹ năng đã được học tập, thảo luận với thái độ cầu thị	PLO1 PLO2 PLO5 PLO6 PLO7
		<i>Phương pháp đọc và nghiên cứu tài liệu (Reading and studying documents)</i>	Phát triển khả năng tự học của học viên để chuẩn bị bài trước buổi học và ôn tập bài sau buổi học.	PLO1 PLO2 PLO3 PLO5 PLO7

		<i>Học trực tiếp kết hợp trực tuyến (Blended learning)</i>	- Sử dụng các công nghệ giảng dạy điện tử, di động và phần mềm ứng dụng giảng dạy trực tuyến trong việc dạy và học. - Hầu hết các học phần trong chương trình đào tạo được thực hiện dựa trên việc kết hợp bài giảng, tài liệu, video, các nguồn tài nguyên web, các thiết bị tương tác trực tuyến... trong bài học. - Việc tổ chức giảng dạy trực tiếp kết hợp với sự hỗ trợ trực tuyến của hệ thống quản lý học tập LMS (Learning Management System) và Googlemeet	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7
5	<i>Dạy học tăng cường hợp tác:</i> - Giúp học viên trở nên năng động, có trách nhiệm, nhờ vào sự tương tác tích cực và hợp tác trong nhóm. Bên cạnh đó, học viên có thể thực hành các kỹ năng lắng nghe, tôn trọng và xem xét các mặt của một vấn đề. - Tập trung làm cho học viên tương tác với nhau và sau đó áp dụng các kỹ năng này vào thực tế. Các phương pháp hợp tác thường được sử dụng trong các học phần lý thuyết thuộc chương	<i>Thảo luận (Discussion)</i>	- Giảng viên đưa ra vấn đề - Học viên được chia thành các nhóm và đưa ý kiến về vấn đề giảng viên đã đưa ra. Phương pháp này giúp cho học viên phân tích các định nghĩa, ý tưởng, dữ liệu về chủ đề và bàn luận với giảng viên, qua đó có thể liên kết các ý tưởng và làm rõ vấn đề.	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO7 PLO8
		<i>Học nhóm (Teamwork Learning)</i>	- Học viên được chia thành những nhóm nhỏ để giải quyết vấn đề được cho, và trình bày kết quả bằng báo cáo hoặc thuyết trình. - Học viên được cung cấp kiến thức căn bản và kỹ năng làm việc nhóm	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO6 PLO7 PLO8

	trình đào tạo thạc sĩ quản trị kinh doanh bao gồm	<i>Câu hỏi gợi mở (Inquiry)</i>	Giảng viên sử dụng các câu hỏi hoặc vấn đề mở và hướng dẫn học viên/nhóm học viên trả lời từng bước một.	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO7
--	---	---------------------------------	--	--------------------------------------

Bảng 5. Mối liên hệ giữa các chiến lược giảng dạy và học với các PLO

STT	Chiến lược và phương pháp dạy học		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)							
	Chiến lược	Phương pháp dạy học	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
1	Giảng dạy trực tiếp	<i>Thuyết giảng (Lecture)</i>	X	X	X		X	X		X
		<i>Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)</i>	X	X	X		X	X		X
2	Dạy học hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học	<i>Giải quyết vấn đề (Problem Solving)</i>	X	X	X		X	X	X	
		<i>Tập kích não (Brainstorming)</i>		X	X	X			X	X
		<i>Học theo tình huống (Case Study)</i>		X	X	X	X	X	X	X
3	Dạy học dựa trên hoạt động	<i>Trò chơi (Game)</i>		X		X		X	X	X
		<i>Đi thực tế (Field Trip)</i>		X		X		X	X	X
		<i>Tranh luận (Debates)</i>	X	X		X			X	X
		<i>Thực hành (Practice)</i>	X	X		X			X	X
4	Dạy học hướng phát huy tính tự học, tự nghiên cứu	<i>Dự án nghiên cứu/ đề án nghiên cứu (Research Project)</i>	X	X	X	X	X	X	X	X
		<i>Bài tập cá nhân (Work Assignment):</i>	X	X			X	X	X	
		<i>Đọc và nghiên cứu tài liệu (Reading and studying documents)</i>	X	X	X		X		X	
		<i>Học trực tiếp kết hợp trực tuyến (Blended learning)</i>	X	X	X	X	X	X	X	
5	Dạy học tăng cường hợp tác	<i>Thảo luận (Discussion)</i>	X	X	X	X			X	X
		<i>Học nhóm (Teamwork Learning)</i>	X	X	X	X		X	X	X
		<i>Câu hỏi gợi mở (Inquiry)</i>	X	X	X	X			X	

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

9.1. Các hình thức đánh giá

Đánh giá học viên trong quá trình học tập là hoạt động xác độ mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần từ đó bảo đảm học viên đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập được căn cứ theo Quyết định số 834/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh sử dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng. Với mỗi học phần trong chương trình đào tạo, người học được đánh giá

xuyên suốt cả quá trình thông qua điểm đánh giá chuyên cần, điểm kiểm tra định kỳ, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi kết thúc học phần. Để đảm bảo việc đánh giá chính xác, khách quan, thường xuyên và liên tục quá trình học tập của người học mỗi học phần đều được nêu rõ các phương pháp đánh giá, thời điểm đánh giá, trọng số điểm cụ thể trong đề cương chi tiết học phần có trong chương trình đào tạo. Các yêu cầu và tiêu chí của từng phương pháp đánh giá của từng học phần được các giảng viên phụ trách học phần đó thiết kế chi tiết và thông báo cho học viên vào tiết học đầu tiên.

Khoa Quản trị và Marketing, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã phát triển và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Các phương pháp đánh giá này được thiết kế để đảm bảo không chỉ đánh giá kiến thức chuyên môn của học viên mà còn tập trung vào đánh giá thái độ và kỹ năng thể hiện rõ ràng trong CLOs.

Tùy theo chuẩn đầu ra của học phần, giảng viên sẽ lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp cho các điểm thành phần (điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần...). Sau khi học viên hoàn thành đủ số giờ lên lớp theo quy định của trường cho từng học phần sẽ tham dự kỳ thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận, trắc nghiệm hoặc vừa tự luận vừa trắc nghiệm, viết chuyên đề báo cáo (tiểu luận) môn học hoặc đề án môn học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh:

Bảng 6. Các phương pháp đánh giá

TT	Phương pháp đánh giá	Mô tả phương pháp đánh giá
A	Đánh giá quá trình (On going/Formative Assessment)	Mục đích của đánh giá quá trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric.
1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của người học trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp người học tiếp cận kiến thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt, đúng đắn, chấp hành nội quy, nề nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo quy định. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1.
2	Đánh giá bài tập (Work	<i>Mô tả phương pháp:</i> người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài

TT	Phương pháp đánh giá	Mô tả phương pháp đánh giá
	Assiment)	giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân và một nhóm người học được đánh giá theo tiêu chí cụ thể tùy giảng viên quy định. Việc đánh được thực hiện theo Rubric 2.
3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Trong một số học phần, người học được yêu cầu làm việc nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Việc đánh giá được thực hiện theo Rubric 3, Rubric 4.
B	Đánh giá tổng kết (Summative Assessment)	Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá kết thúc học phần.
4	Kiểm tra viết (Written Exam)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Theo phương pháp đánh giá này, Học viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.
5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, Học viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này Học viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.
6	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Trong phương pháp đánh giá này, Học viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 5.

TT	Phương pháp đánh giá	Mô tả phương pháp đánh giá
7	Báo cáo, bài tập lớn, tiểu luận, (Written Report)	<i>Mô tả phương pháp:</i> người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của Học viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ... trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 6.
8	Đánh giá Luận văn/Đề án tốt nghiệp (Graduation Thesis)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Đề án tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá Luận văn/ Đề án bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 8.

9.2. Điểm đánh giá học phần

1. Đối với các học phần lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, thí nghiệm, thảo luận, tiểu luận:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 60%) và điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy) (chiếm tỷ trọng 40%).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:

+ Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận

+ Số lần kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:

+ Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của học viên trong giờ học.

+ Số lần kiểm tra thường xuyên: tối thiểu là 1. Ngoài ra, Khoa, tổ chuyên môn có thể quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học phần cụ thể.

- Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:

(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):

* Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính:

10 điểm.

- * Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.
- * Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.
- * Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.
- * Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.
- * Nghỉ học từ 50% trở lên: 0 điểm.

Ghi chú:

+ Học viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn, thực tập:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) là điểm trung bình của các loại điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy.

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ: là điểm đánh giá các bài thực hành định kỳ trong quá trình giảng dạy, được tính hệ số 1.

Số điểm kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm chuyên cần:

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:

(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phân mềm tự tính):

- * Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 10 điểm.
- * Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.
- * Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.
- * Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.
- * Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.
- * Nghỉ học từ 50% trở lên: 0 điểm.

+ Điểm chuyên cần có hệ số 1.

Ghi chú:

Học viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong Đề cương chi tiết của học phần.

3. Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

4. Học phần chỉ được xếp loại đạt (học phần tích lũy) khi có điểm học phần từ 5,5 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 5,5 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn), sau đó điểm học phần được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

A (8,5 - 10)	Giỏi
B ⁺ (7,8 - 8,4)	Khá Giỏi
B (7,0 - 7,7)	Khá
C ⁺ (6,3 - 6,9)	Trung bình Khá
C (5,5 - 6,2)	Trung bình

b) Loại không đạt:

D ⁺ (4,8 - 5,4)	Trung bình yếu
D (4,0 - 4,7)	Yếu
F ⁺ (3,0 - 3,9)	Kém
F (0,0 - 2,9)	Rất Kém

9.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Rubric 1: Đánh giá điểm chuyên cần tham gia lớp học

Tiêu chí	Xuất sắc 10 điểm	Tốt 8.0 điểm	Khá 6.0 điểm	Trung bình 4.0 điểm	Kém 2.0 điểm	Yếu 0 điểm
Thời gian tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình	Nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 10% trở lên đến dưới 20% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 20% trở lên đến dưới 35% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 35% trở lên đến dưới 50% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 50% trở lên số tiết trong chương trình

Rubric 2: Đánh giá bài tập

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Phương pháp giải	30	Cách giải sáng tạo/nhiều cách	Đúng phương pháp	Đúng phương pháp nhưng chưa đến kết quả	Sai phương pháp (0 đ)
Lập luận	40	Lập luận có căn cứ khoa học vững chắc	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng còn 1 vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng còn sai sót quan trọng (tùy mức độ: 2.0-1.0 đ)	Phạm hơn 1 sai sót quan trọng/Không biết lập luận khoa học (0 đ)
Kết quả	15	Kết quả đúng	Kết quả có sai sót, ít ảnh hưởng	Kết quả sai sót ảnh hưởng nhiều (tùy mức độ: 1.0-0.5 đ)	Sai kết quả hoàn toàn do sai phương pháp (0đ)
Trình bày bài giải	15	Cẩn thận, rõ ràng	Khá cẩn thận, vài chỗ chưa rõ ràng	Tương đối cẩn thận, nhiều chỗ chưa rõ ràng	Cẩu thả và chưa rõ ràng (0đ)

Rubric 3. Đánh giá thuyết trình (cá nhân)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày	20	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi	Không trả lời được đa số câu hỏi

			trả lời được	chưa trả lời được	
--	--	--	--------------	-------------------	--

Rubric 4. Đánh giá thuyết trình (theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày	10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
		trong khi báo cáo và trả lời	chờ chưa đồng bộ		

Rubric 5. Đánh giá vấn đáp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày	10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

Rubric 6. Đánh giá TIỂU LUẬN/Báo cáo thu hoạch

Tiêu chí		Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Cấu trúc		05	Cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Không cân đối, thiếu hợp lý
Nội dung	Nêu vấn đề	10	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề
	Nền tảng lý thuyết	10	Trình bày quan điểm lý thuyết phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết khá phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết tương đối phù hợp	Trình bày chưa rõ quan điểm lý thuyết phù hợp
	Các nội dung thành phần	40	Ghi thang điểm cụ thể cho từng phần nội dung			
	Lập luận	10	Hoàn toàn chặt chẽ, logic	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	Tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo gây ảnh hưởng	Không chặt chẽ, logic
Kết luận		15	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, format...)	Format	05	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán
	Lỗi chính tả	05	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi nhỏ	Lỗi chính tả khá nhiều	Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và typing câu thả

Rubric 7: Đánh giá PROJECT

Tiêu chí		Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham gia	Nêu ý tưởng	05	Tích cực tìm kiếm và chủ động đưa ra ý tưởng mang tính mới	Tìm kiếm và đưa ra được ý tưởng khá tốt	Chọn ý tưởng trong số được đề nghị	Không quan tâm lựa chọn ý tưởng
	Lập kế hoạch thực hiện	05	Hoàn toàn hợp lý, không cần điều chỉnh	Khá hợp lý, điều chỉnh chút ít theo góp ý	Chưa hợp lý, có điều chỉnh theo góp ý	Không hợp lý và không điều chỉnh theo góp ý
Quá trình thực hiện project	Giai đoạn chuẩn bị	10	Chuẩn bị tốt mọi điều kiện cho việc thực hiện project, có thể khởi động ngay	Chuẩn bị được đa số điều kiện cho việc thực hiện, có thể khởi động và bổ sung sau	Chuẩn bị được một số điều kiện cho việc thực hiện nhưng cần bổ sung thêm mới có thể khởi động	Không chuẩn bị được điều kiện nào
	Giai đoạn thực hiện	10	Thực hiện hoàn toàn đúng phương	Thực hiện khá đúng phương	Thực hiện tương đối đúng phương	Thực hiện không đúng

			pháp	pháp, sai sót nhỏ và có sửa chữa	pháp, sai sót quan trọng và có sửa chữa	phương pháp, sai sót không sửa chữa
		10	Triển khai đúng kế hoạch	Triển khai khá đúng kế hoạch, có chậm trễ nhưng không gây ảnh hưởng	Triển khai tương đối đúng kế hoạch, có chậm trễ gây ảnh hưởng nhưng khắc phục được	Triển khai chậm trễ, gây ảnh hưởng không khắc phục được
	Mức độ đạt được mục tiêu thành phần	20	Ghi thang điểm cụ thể cho từng mục tiêu thành phần (ở mỗi giai đoạn của project)			
Báo cáo kết quả	Nội dung báo cáo	10	- Báo cáo tiến trình thực hiện - Thuyết minh sản phẩm - Bài học rút ra			
	Trình bày báo cáo	10	Sử dụng Rubric đánh giá thuyết trình			
	Sản phẩm	20	Các tiêu chí chấm điểm sản phẩm và thang điểm chi tiết			

Rubric 8: Đánh giá Báo cáo đề án tốt nghiệp

Tiêu chí	Trọng số %	Xuất sắc 9-10 điểm	Tốt 8 – 8.9 điểm	Khá 7 – 7.9 điểm	Trung Bình 5 – 6.9 điểm	Kém 0-4,9 điểm
1. Xác định vấn đề, mục tiêu và cơ sở lý thuyết nghiên cứu	15	Xác định rõ vấn đề nghiên cứu; mục tiêu logic; cơ sở lý thuyết và khoảng trống nghiên cứu được phân tích sâu, có giá trị học thuật và thực tiễn	Nội dung phù hợp, logic, có cơ sở lý thuyết tương đối đầy đủ	Nội dung cơ bản phù hợp nhưng phân tích còn hạn chế	Vấn đề nghiên cứu chưa rõ, thiếu liên kết lý thuyết	Không xác định được vấn đề nghiên cứu phù hợp
2. Phương pháp nghiên cứu và xử lý dữ liệu	15	Lựa chọn và triển khai phương pháp nghiên cứu phù hợp; dữ liệu được xử lý và diễn giải chính xác, có căn cứ khoa học	Phương pháp nghiên cứu phù hợp và dữ liệu được xử lý hợp lý	Phương pháp phù hợp nhưng diễn giải dữ liệu còn hạn chế	Phương pháp hoặc xử lý dữ liệu chưa phù hợp	Phương pháp nghiên cứu sai hoặc thiếu căn cứ
3. Ứng dụng công cụ số và AI trong phân tích dữ liệu	10	Sử dụng hiệu quả công cụ số/AI để tổ chức, làm sạch, phân tích và đánh giá dữ liệu	Sử dụng phù hợp công cụ phân tích dữ liệu	Có sử dụng công cụ nhưng hiệu quả chưa cao	Sử dụng công cụ còn hạn chế	Không sử dụng hoặc sử dụng sai công cụ
4. Trình bày báo cáo và thuyết trình học thuật	15	Báo cáo và slide khoa học, logic; trình bày chuyên nghiệp; sử dụng hiệu quả minh chứng và dữ liệu	Trình bày rõ ràng, có cấu trúc	Trình bày tương đối rõ nhưng thiếu tính thuyết phục	Trình bày thiếu logic hoặc hình thức chưa phù hợp	Trình bày kém, khó theo dõi
5. Phản biện và bảo vệ quan điểm học thuật	15	Trả lời đầy đủ, lập luận chặt chẽ, phản biện tốt bằng chứng nghiên cứu	Trả lời đúng phần lớn câu hỏi và có lập luận phù hợp	Trả lời được nhưng lập luận còn hạn chế	Trả lời chưa đầy đủ hoặc thiếu căn cứ	Không bảo vệ được quan điểm nghiên cứu
6. Giải pháp, hàm ý quản trị và kiến nghị	20	Giải pháp/khuyến nghị có tính khả thi cao, sáng tạo, phù hợp bối cảnh doanh nghiệp và có căn cứ khoa học	Giải pháp phù hợp và có tính ứng dụng	Giải pháp còn chung chung	Giải pháp thiếu tính khả thi	Không đề xuất được giải pháp phù hợp

Tiêu chí	Trọng số %	Xuất sắc 9-10 điểm	Tốt 8 – 8.9 điểm	Khá 7 – 7.9 điểm	Trung Bình 5 – 6.9 điểm	Kém 0-4,9 điểm
7. Trách nhiệm và tính trung thực học thuật	10	Tuân thủ nghiêm túc chuẩn mực học thuật; trích dẫn đúng quy định; thể hiện rõ trách nhiệm cá nhân trong nghiên cứu và bảo vệ đề án	Có ý thức tốt về trách nhiệm học thuật	Có sai sót nhỏ trong trình bày hoặc trích dẫn	Có nhiều sai sót học thuật	Vi phạm nghiêm trọng quy định học thuật

9.4. Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Bảng 7. Mối liên hệ giữa các PPKTĐG với các PLO

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)							
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
A	Đánh giá quá trình								
1	Đánh giá chuyên cần							X	
2	Đánh giá bài tập	X	X	X		X	X	X	
3	Đánh giá thuyết trình		X	X	X			X	X
B	Đánh giá tổng kết								
4	Kiểm tra viết, tự luận	X	X	X		X	X		
5	Kiểm tra trắc nghiệm	X	X	X		X			
6	Bảo vệ và thi vấn đáp	X	X	X	X	X	X	X	X
7	Báo cáo, bài tập lớn, tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X
8	Đánh giá Luận văn/ Đề án tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X

10. Cấu trúc chương trình đào tạo

10.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng khối lượng kiến thức toàn khoá **60** tín chỉ, trong đó:

- Phần kiến thức chung: 06 tín chỉ
- Phần kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành: 45 tín chỉ
- + Lý thuyết : 39 tín chỉ
- + Thực hành, thực tập, chuyên đề, tiểu luận: 06 tín chỉ
- Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án) : 09 tín chỉ

10.2. Nội dung chương trình đào tạo

Mã học phần	Tên học phần	Khoa/BM thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
I. Phần kiến thức chung			6		
0601002218	Triết học	LLCT&PL	4	(48,24,120)	
0601001468	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DLKS	2	(24,12,60)	
II. Phần kiến thức cơ sở ngành			12		
Các học phần bắt buộc			8		
0601002547	Kinh tế học quản lý	DLKS	2	(24,12,60)	
0601002549	Luật doanh nghiệp	TM	2	(24,12,60)	
0601002278	Thống kê và phân tích dữ liệu	DLKS	2	(24,12,60)	
0601002548	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	QT&MAR	2	(24,12,60)	
Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 5 học phần)			4		TC1
0601002550	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	QT&MAR	2	(24,12,60)	
0601002552	Hành vi tổ chức	QT&MAR	2	(24,12,60)	
0601002551	Quản trị công ty	QT&MAR	2	(24,12,60)	
0601003474	Quản trị hệ thống thông tin	QT&MAR	2	(24,12,60)	
0601002554	Kế toán quản trị	KTKT	2	(24,12,60)	
III. Phần kiến thức cốt lõi của ngành			18		
Các học phần bắt buộc			12		
0601002555	Quản trị chiến lược nâng cao	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601002556	Quản trị tài chính nâng cao	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601002557	Quản trị marketing nâng cao	QT&MAR	3	(36,18,90)	

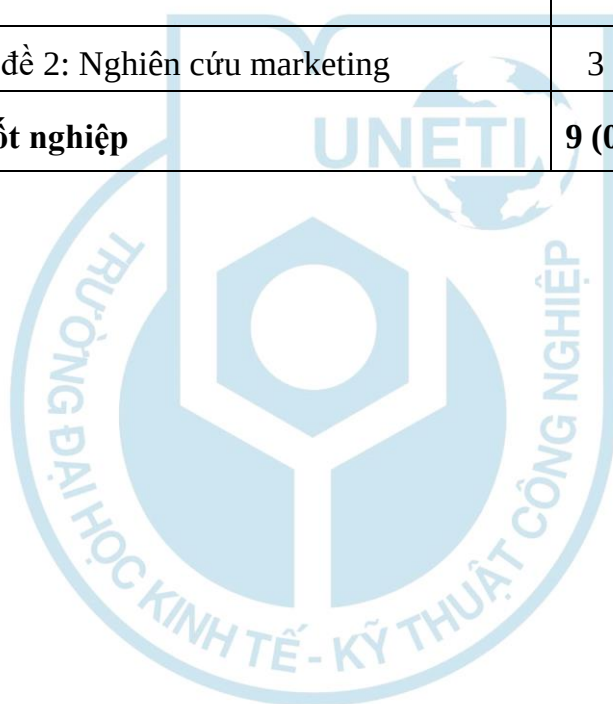
Mã học phần	Tên học phần	Khoa/BM thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
0601003388	Chuyên đề 1: Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	QT&MAR	3	(0,90,90)	
Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 5 học phần)			6		TC2
0601002558	Quản trị bán hàng nâng cao	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601002559	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601002560	Kinh doanh quốc tế	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601002561	Quản trị rủi ro nâng cao	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601002562	Chuyển đổi số trong kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	
IV. Phần kiến thức chuyên ngành			15		
Các học phần bắt buộc			9		
0601002563	Lãnh đạo trong tổ chức	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601002564	Quản trị kinh doanh đương đại	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601002565	Chuyên đề 2: Nghiên cứu marketing	QT&MAR	3	(0,90,90)	
Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 5 học phần)			6		TC3
0601002566	Thiết kế tổ chức	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601003460	Quản trị tri thức	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601002567	Quản trị đổi mới sáng tạo	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601002568	Khởi sự kinh doanh	QT&MAR	3	(36,18,90)	
0601002569	Quản trị sự thay đổi	QT&MAR	3	(36,18,90)	
V. Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)			9		
0601002571	Đề án tốt nghiệp	QT&MAR	9	(0,540, 0)	
Tổng cộng:			60		

10.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

Thời gian đào tạo toàn khoá: 2 năm. Khung kế hoạch đào tạo dự kiến như sau:

Mã học phần	Tên học phần	Thời lượng	Ghi chú
I. Học kỳ 1 (6 học phần BB)		14	
0601002218	Triết học	4 (48,24,120)	BB
0601001468	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 (24,12,60)	BB
0601002547	Kinh tế học quản lý	2 (24,12,60)	BB
0601002549	Luật doanh nghiệp	2 (24,12,60)	BB
0601002278	Thống kê và phân tích dữ liệu	2 (24,12,60)	BB
0601002548	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	2 (24,12,60)	BB
II. Học kỳ 2 (4 học phần BB + 2 học phần TC1)		16	
0601002555	Quản trị chiến lược nâng cao	3 (36,18,90)	BB
0601002557	Quản trị marketing nâng cao	3 (36,18,90)	BB
0601002563	Lãnh đạo trong tổ chức	3 (36,18,90)	BB
0601002556	Quản trị tài chính nâng cao	3 (36,18,90)	BB
0601002550	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	2 (24,12,60)	TC1.1
0601002552	Hành vi tổ chức	2 (24,12,60)	TC1.2
0601002551	Quản trị công ty	2 (24,12,60)	TC1.3
0601003474	Quản trị hệ thống thông tin	2 (24,12,60)	TC1.4
0601002554	Kế toán quản trị	2 (24,12,60)	TC1.5
III. Học kỳ 3 (1 học phần BB + 2 học phần nhóm TC2 + 2 học phần nhóm TC3)		15	
0601002564	Quản trị kinh doanh đương đại	3 (36,18,90)	BB
0601002558	Quản trị bán hàng nâng cao	3 (36,18,90)	TC2.1
0601002559	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	3 (36,18,90)	TC2.2
0601002560	Kinh doanh quốc tế	3 (36,18,90)	TC2.3
0601002561	Quản trị rủi ro nâng cao	3 (36,18,90)	TC2.4
0601002562	Chuyển đổi số trong kinh doanh	3 (36,18,90)	TC2.5

Mã học phần	Tên học phần	Thời lượng	Ghi chú
0601002566	Thiết kế tổ chức	3 (36,18,90)	TC3.1
0601003460	Quản trị tri thức	3 (36,18,90)	TC3.2
0601002567	Quản trị đổi mới sáng tạo	3 (36,18,90)	TC3.3
0601002568	Khởi sự kinh doanh	3 (36,18,90)	TC3.4
0601002569	Quản trị sự thay đổi	3 (36,18,90)	TC3.5
IV. Học kỳ 4 (2 chuyên đề + Đề án tốt nghiệp)		15	
0601003388	Chuyên đề 1: Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3 (0,90,90)	BB
0601002565	Chuyên đề 2: Nghiên cứu marketing	3 (0,90,90)	BB
0601002571	Đề án tốt nghiệp	9 (0,270,270)	BB

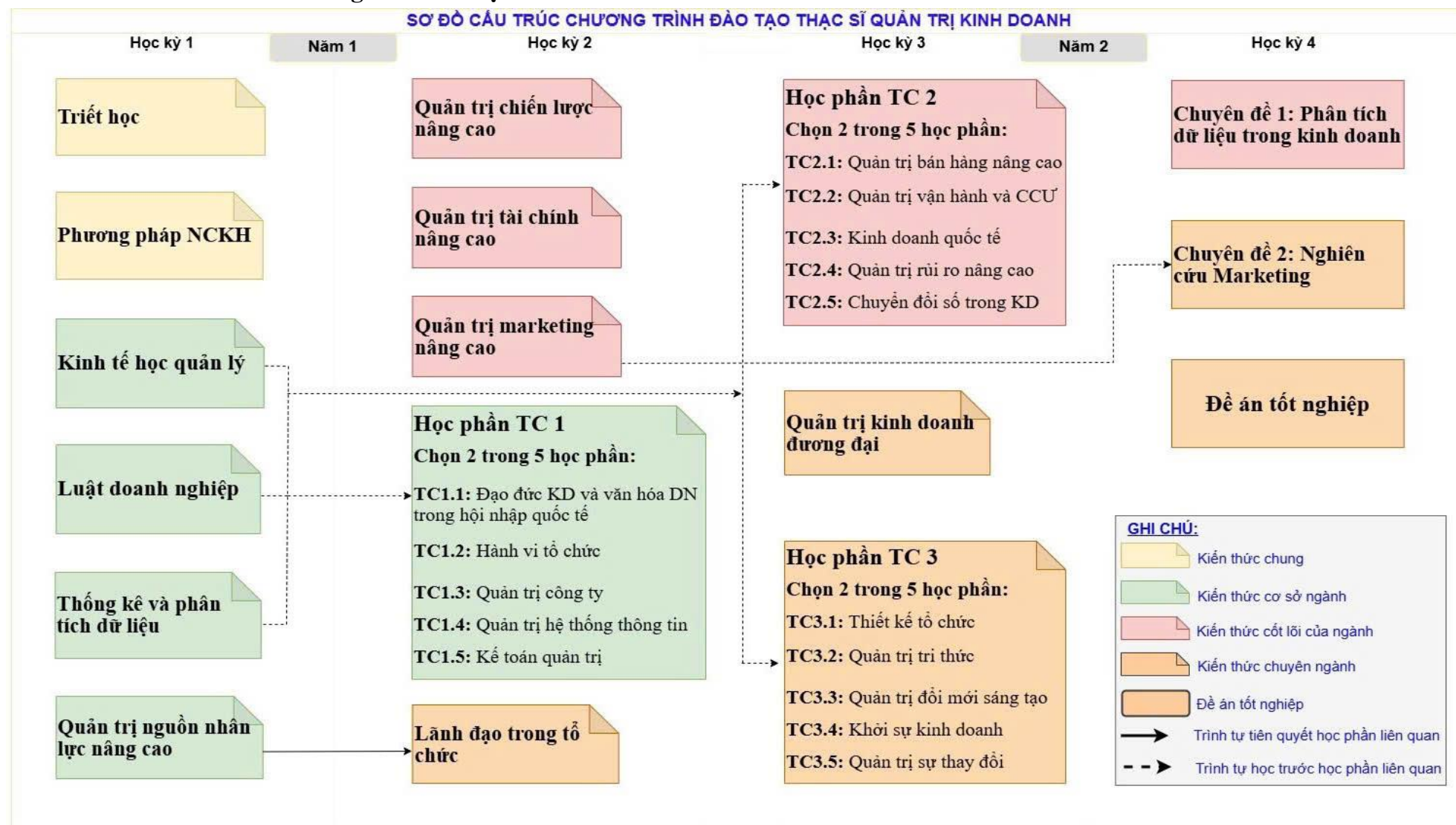


11. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Học kỳ	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)															
							Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)						Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)						Mức tự chủ trách nhiệm (Thang Krathwohl 5 cấp độ)			
							PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		PLO8	
							PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2
I	Phần kiến thức chung																					
1	2218	Triết học	4	1	BB	KTC	3,A						3						3			
2	1468	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	BB	KTC		3,A					3	3						3		
II	Phần kiến thức cơ sở ngành																					
Các học phần bắt buộc																						
3	2547	Kinh tế học quản lý	2	1	BB	CSN			3,A	3									3			
4	2549	Luật doanh nghiệp	2	1	BB	CSN			3	3									3	4,A		
5	2278	Thống kê và phân tích dữ liệu	2	1	BB	CSN			3				3,A	3					3			
6	2548	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	2	1	BB	CSN			4	4,A					4,A	4,A						
Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 5 học phần)																						
7	2550	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	2	2	TC	CSN					3		4						3	4,A		
8	2552	Hành vi tổ chức	2	2	TC	CSN			4	4											4,A	
9	2551	Quản trị công ty	2	2	TC	CSN				4						4			3	4,A		
10	3310	Quản trị hệ thống thông tin	2	2	TC	CSN					4,A	4						3				
11	2554	Kế toán quản trị	2	2	TC	CSN			4	4					4,A	4			3			
III	Phần kiến thức cốt lõi ngành																					
Các học phần bắt buộc																						
12	2555	Quản trị chiến lược nâng cao	3	2	BB	CCN						5,A				4,A					4	
13	2556	Quản trị tài chính nâng cao	3	2	BB	CCN			4	4,A					4				3			

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Học kỳ	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)															
							Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)						Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)						Mức tự chủ trách nhiệm (Thang Krathwohl 5 cấp độ)			
							PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		PLO8	
							PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2
14	2557	Quản trị marketing nâng cao	3	2	BB	CCN			4,A	4						4		4,A				
15	3388	Chuyên đề 1: Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3	4	BB	CCN					5,A		4,A		4,A	4,A				3,A		
Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 5 học phần)																						
16	2558	Quản trị bán hàng nâng cao	3	3	TC	CCN			4	4							4	4,A				
17	2559	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	3	3	TC	CCN			4,A	4							4	4				
18	2560	Kinh doanh quốc tế	3	3	TC	CCN			4	4		4,A									4	
19	2561	Quản trị rủi ro nâng cao	3	3	TC	CCN			4	4							4			3,A		
20	2562	Chuyển đổi số trong kinh doanh	3	3	TC	CCN					5,A	5			4	4						
IV Phần kiến thức chuyên ngành																						
Các học phần bắt buộc																						
21	2563	Lãnh đạo trong tổ chức	3	2	BB	CN								4				4	3,A			4,A
22	2564	Quản trị kinh doanh đương đại	3	3	BB	CN					5,A	5							3,A		4,A	
23	2565	Chuyên đề 2: Nghiên cứu marketing	3	4	BB	CN							4,A	4,A	4,A	4,A				3,A		
Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 5 học phần)																						
24	2566	Thiết kế tổ chức	3	3	TC	CN				4			4,A					4				
25	3460	Quản trị tri thức	3	3	TC	CN										4	4		3,A			
26	2567	Quản trị đổi mới sáng tạo	3	3	TC	CN					4	5,A										4,A
27	2568	Khởi sự kinh doanh	3	3	TC	CN						5,A								3		4,A
28	2569	Quản trị sự thay đổi	3	3	TC	CN								4				4	3,A			4
V Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)																						
29	2571	Đề án tốt nghiệp	9	4	BB	TN		3,A					4,A	4,A	4,A	4,A		4,A		3,A		

12. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo



13. Mô tả tóm tắt học phần

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
I. Phần kiến thức chung						
1	Triết học	0601002218	4(48,24,120)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không	Học phần bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. Đồng thời, củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt nam, đặc biệt chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	0601001468	2(24,12,60)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không	Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần kiến thức chung của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành quản trị kinh doanh. Học phần sẽ cung cấp cho học viên các nội dung cơ bản của quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học: xác định tên đề tài, đề cương nghiên cứu; phương pháp chọn mẫu, xây dựng bảng hỏi, thu thập dữ liệu và xử lý dữ liệu trong nghiên cứu; công bố kết quả nghiên cứu.
II. Phần kiến thức cơ sở ngành						
Các học phần bắt buộc						
3	Kinh tế học quản lý	0601002547	2(24,12,60)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không	Kinh tế học là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Với những kiến thức nâng cao về Kinh tế học được cung cấp trong môn học này, học viên có thể phân tích tác động của các chính sách của chính phủ đến giá cả, sản lượng cân bằng của thị trường, phúc lợi của các thành phần có liên quan và tổng thể xã hội. Tiếp tục nghiên cứu hành vi của doanh nghiệp cạnh tranh không hoàn hảo ở mức cao hơn, nghiên cứu cân bằng tổng thể và điều kiện hiệu quả trong các thị trường cạnh tranh, phân

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						tích những nhược điểm của kinh tế thị trường và vai trò của chính phủ. Học viên cũng có thể vận dụng các mô hình kinh tế vĩ mô để hiểu được sự vận hành của nền kinh tế, hiểu được các tác động của các chính sách. Mặt khác với sự hiểu biết về công cụ của chính sách kinh tế, học viên cũng có thể hiểu được cách sử dụng các chính sách để đạt được các tác động mong muốn về kinh tế vĩ mô cũng như dự đoán các chính sách kinh tế có thể được áp dụng.
4	Luật doanh nghiệp	0601002549	2(24,12,60)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không	Học phần được xây dựng thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc thuộc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Ngành Quản trị kinh doanh. Học phần này nhằm trang bị cho học viên kiến thức cơ bản và có tính hệ thống về các chủ đề của luật doanh nghiệp. Học phần củng cố kiến thức và đổi mới cách tiếp cận các chủ thể lãnh đạo, nhà quản lý về pháp luật doanh nghiệp nhằm nâng cao ý thức pháp luật của doanh nghiệp. Học phần cũng sẽ trang bị và phát triển kỹ năng cho người học có thể nhận biết và giải thích về những chế định pháp luật doanh nghiệp phổ biến trong các hệ thống pháp luật điển hình trên thế giới.
5	Thống kê và phân tích dữ liệu	0601002278	2(24,12,60)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không	Học phần Thống kê và phân tích dữ liệu cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về thống kê và phân tích định lượng, bao gồm cách thức thu thập và xử lý thông tin về các hiện tượng kinh tế - xã hội, sử dụng kỹ thuật phân tích định lượng để phân tích dữ liệu, đánh giá, nhận xét những bảng báo cáo dựa trên các phân tích thực nghiệm. Qua đó, học viên nắm vững các công cụ phân tích nghiên cứu, kỹ năng ứng dụng phần mềm chuyên dụng kết hợp với kiến thức chuyên ngành để có thể tự mình thực hiện phân tích các kết quả điều tra trong nghiên cứu kinh tế và kinh doanh, làm cơ sở cho việc quyết định quản lý.

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
6	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	0601002548	2(24,12,60)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không	Quản trị nguồn nhân lực là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về: tổng quan về quản trị nguồn nhân lực, phân tích công việc, hoạch định nguồn nhân lực, tuyển dụng nhân lực và hội nhập, tạo động lực trong lao động, đánh giá kết quả thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thù lao lao động, quản trị nguồn nhân lực quốc tế. Trọng tâm của học phần trang bị cho học viên kiến thức về quản trị con người trong tổ chức nhằm đạt được mục tiêu quản trị cho tổ chức, gia tăng sự thỏa mãn và phát triển của mỗi người lao động.
Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 5 học phần)						
7	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	0601002550	2(24,12,60)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Pháp luật kinh tế - Học phần học trước: Pháp luật kinh tế	Học phần Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế cung cấp cho học viên những kiến thức về vai trò, nội dung và phương pháp xây dựng đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp từ đó học viên có thể vận dụng vào thực tiễn xây dựng đạo đức kinh doanh và tạo lập văn hóa doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.
8	Hành vi tổ chức	0601002552	2(24,12,60)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không	Hành vi tổ chức là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho học viên khả năng phân tích các vấn đề phức tạp về hành vi cá nhân (thái độ, tính cách, nhận thức, học tập, tạo động lực, ra quyết định) và hành vi nhóm (cơ sở hành vi nhóm, lãnh đạo và quyền lực, giao tiếp, cơ cấu tổ chức, văn hóa tổ chức) nhằm xác định nguyên nhân và tác động trong bối cảnh doanh nghiệp. Đồng thời, học phần giúp học viên đề xuất giải pháp quản trị hành vi tổ chức hiệu quả, phù hợp với thực tiễn và thể hiện năng lực lãnh đạo/dẫn dắt nhóm.

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
9	Quản trị công ty	0601002551	2(24,12,60)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không	Quản trị công ty là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao về: các lý thuyết, mô hình quản trị công ty, nhận dạng và phân tích các yếu tố tác động đến quản trị công ty. Các quy tắc quản trị công ty, cơ cấu quản trị của một công ty cổ phần, vai trò trách nhiệm của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty.
10	Quản trị hệ thống thông tin	0601003474	2(24,12,60)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Thống kê và phân tích dữ liệu	Học phần Quản trị hệ thống thông tin là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng. Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức nền tảng và hiện đại về quản trị hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, tập trung vào quản trị dữ liệu, các hệ thống thông tin doanh nghiệp, hệ thống hỗ trợ ra quyết định và quản trị chuyển đổi số. Đồng thời, học phần giúp học viên nâng cao năng lực phân tích, đánh giá và ứng dụng hệ thống thông tin trong hoạt động quản trị, điều hành doanh nghiệp và quản trị rủi ro thông tin trong môi trường kinh doanh số.
11	Kế toán quản trị	0601002554	2(24,12,60)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không	Kế toán quản trị là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho người học những kiến thức nâng cao về các phương pháp kế toán quản trị làm cơ sở cho các nhà quản trị ra quyết định và kiểm soát và phân tích chi phí; trình tự và phương pháp lập dự toán; quá trình thu thập, xử lý thông tin để đưa ra các quyết định; cách thức đánh giá trách nhiệm của các trung tâm doanh thu, chi phí, lợi nhuận.
III. Phần kiến thức cốt lõi của ngành						
Các học phần bắt buộc						

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
12	Quản trị chiến lược nâng cao	0601002555	3(36,18,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không	Quản trị chiến lược nâng cao là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cốt lõi của ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp cho học viên kiến thức và tư duy chuyên sâu về quản trị chiến lược trong bối cảnh môi trường kinh doanh biến động và cạnh tranh toàn cầu. Học phần tập trung vào các nội dung: tổng quan về chiến lược và quản trị chiến lược; tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu doanh nghiệp; phân tích môi trường kinh doanh và năng lực nội bộ; tạo dựng lợi thế cạnh tranh; chiến lược cấp đơn vị kinh doanh, chiến lược cấp doanh nghiệp và chiến lược kinh doanh toàn cầu; lựa chọn, tổ chức thực hiện và đánh giá chiến lược. Học phần khuyến khích vận dụng các công cụ và mô hình phân tích chiến lược vào các tình huống và doanh nghiệp thực tiễn nhằm hỗ trợ học viên phát triển tư duy chiến lược và khả năng phân tích trong quản trị doanh nghiệp.
13	Quản trị tài chính nâng cao	0601002556	3(36,18,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không	Học phần Quản trị tài chính nâng cao cung cấp cho học viên cao học hệ thống kiến thức và kỹ năng ứng dụng trong phân tích, đánh giá và ra quyết định tài chính tại doanh nghiệp. Nội dung học phần gồm: tổng quan quản trị tài chính doanh nghiệp; phân tích báo cáo tài chính, chỉ tiêu tài chính, dòng tiền và rủi ro tài chính; quyết định đầu tư và định giá dòng tiền; chi phí sử dụng vốn, WACC và cấu trúc vốn; dự báo và hoạch định tài chính; tái cấu trúc tài chính và các tình huống tài chính đặc biệt. Học phần nhấn mạnh năng lực vận dụng kiến thức vào phân tích tình huống, xử lý số liệu tài chính, giải thích kết quả và đề xuất giải pháp tài chính phù hợp với thực tiễn doanh nghiệp Việt Nam.

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
14	Quản trị marketing nâng cao	0601002557	3(36,18,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Kinh tế học quản lý, Thống kê và phân tích dữ liệu	Học phần Quản trị Marketing nâng cao cung cấp cho học viên cách tiếp cận hiện đại trong việc ứng dụng các chức năng quản trị vào lĩnh vực marketing. Quản trị marketing nâng cao được thực hiện thông qua quản trị quá trình cung ứng giá trị cho khách hàng. Quản trị marketing nâng cao bao gồm các hoạt động xây dựng mối quan hệ khách hàng, lựa chọn và sáng tạo giá trị, truyền thông và chuyển giao giá trị, quản trị marketing đảm bảo cung ứng giá trị cho khách hàng tốt hơn các đối thủ cạnh tranh, từ đó đạt được mục tiêu và thỏa mãn lợi ích dài hạn giữa các bên liên quan.
15	Chuyên đề 1: Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	0601003388	3(0,90,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Thống kê và phân tích dữ liệu	Học phần cung cấp cho học viên nền tảng và phương pháp phân tích dữ liệu hiện đại nhằm hỗ trợ ra quyết định quản trị (data-driven decision making). Học phần giới thiệu quy trình phân tích dữ liệu từ xác định vấn đề kinh doanh, thu thập, làm sạch, tích hợp và quản trị dữ liệu đến phân tích mô tả, phân tích chẩn đoán, phân tích dự báo và phân tích đề xuất; trực quan hóa dữ liệu và truyền đạt kết quả phân tích cho các bên liên quan. Học viên được thực hành sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu để xử lý dữ liệu, xây dựng mô hình phân tích và hỗ trợ ra quyết định trong các lĩnh vực marketing, tài chính, nhân sự, vận hành và quản trị chiến lược. Học phần được triển khai theo định hướng học tập qua dự án (Project-based Learning), sử dụng dữ liệu thực tế của doanh nghiệp nhằm phát triển năng lực phân tích, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và đề xuất các giải pháp quản trị có căn cứ khoa học trong bối cảnh chuyển đổi số.
Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 5 học phần)						
16	Quản trị bán hàng nâng cao	0601002558	3(36,18,90)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không	Học phần Quản trị bán hàng nâng cao trang bị cho học viên kiến thức chuyên sâu, có hệ thống về quản trị bán hàng – một lĩnh vực

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
					- Học phần học trước: Không	cốt lõi của quản trị kinh doanh. Học phần tập trung vào phân tích các vấn đề phức tạp trong hoạt động bán hàng dựa trên dữ liệu và lý thuyết quản trị hiện đại; xây dựng kế hoạch bán hàng, tổ chức mạng lưới và lực lượng bán hàng, điều hành, kiểm soát, đánh giá và cải tiến hiệu quả bán hàng gắn với mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp. Học phần đồng thời góp phần hình thành tư duy phân biện, trách nhiệm nghề nghiệp, khả năng phối hợp và thích ứng với môi trường kinh doanh thay đổi.
17	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	0601002559	3(36,18,90)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Kinh tế học quản lý, Thống kê và phân tích dữ liệu	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cốt lõi của ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho học viên kiến thức và công cụ phân tích nhằm thiết kế, tổ chức, vận hành, kiểm soát và cải tiến các quy trình sản xuất, dịch vụ, logistics, thu mua, tồn kho và hoạch định nhu cầu vật tư trong doanh nghiệp. Nội dung học phần nhấn mạnh mối liên hệ giữa chiến lược vận hành, quản trị rủi ro, chuỗi cung ứng bền vững, chuỗi cung ứng tinh gọn, logistics hiện đại và ứng dụng công nghệ trong quản trị tồn kho. Qua các tình huống, bài tập, thảo luận và bài thu hoạch, học viên có khả năng phân tích các vấn đề vận hành và chuỗi cung ứng thực tiễn, đánh giá phương án tổ chức thực hiện và đề xuất được giải pháp cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, khả năng thích ứng và năng lực thực thi mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp.
18	Kinh doanh quốc tế	0601002560	3(36,18,90)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không	Kinh doanh quốc tế là học phần thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về kinh doanh quốc tế, ảnh hưởng của môi trường kinh doanh quốc tế đến hoạt động kinh doanh quốc tế của các công ty. Đồng thời cung cấp

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						các kiến thức và kỹ năng trong phân tích chiến lược kinh doanh quốc tế, cách thức thâm nhập thị trường quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hoá.
19	Quản trị rủi ro nâng cao	0601002561	3(36,18,90)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Thống kê và phân tích dữ liệu, Quản trị tài chính nâng cao	Quản trị rủi ro nâng cao là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cốt lõi của ngành trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng. Học phần nhằm cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao về quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Học phần trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro từ nhận dạng, đo lường, kiểm soát đến tài trợ rủi ro nếu thiệt hại xảy ra. Các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro. Học phần tập trung phân tích và lượng hóa các loại rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính, rủi ro trong thẩm định và quản trị dự án, rủi ro tỉ giá, rủi ro trong đầu tư..., từ đó thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro phù hợp, hiệu quả cho các đối tượng này.
20	Chuyển đổi số trong kinh doanh	0601002562	3(36,18,90)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không	Học phần này cung cấp cho học viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm, phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác nhưng số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng công nghệ thông tin, đặc điểm của chuyển đổi số, hệ sinh thái chuyển đổi số, các giai đoạn chuyển đổi số, chuyển đổi số trong kinh doanh, giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng quan trọng trong việc chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.
IV. Phần kiến thức chuyên ngành						
<i>Các học phần bắt buộc</i>						

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
21	Lãnh đạo trong tổ chức	0601002563	3(36,18,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Quản trị nguồn nhân lực nâng cao - Học phần học trước: Không	Học phần lãnh đạo trong tổ chức giới thiệu các kiến thức chuyên sâu cho học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh về công tác lãnh đạo trong một tổ chức như: tổng quan về lãnh đạo; quyền lực và sự ảnh hưởng; lãnh đạo sự thay đổi; nghệ thuật lãnh đạo; lãnh đạo trong thời đại công nghệ 4.0.
22	Quản trị kinh doanh đương đại	0601002564	3(36,18,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không	Quản trị kinh doanh đương đại là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho học viên kiến thức cập nhật về những thay đổi căn bản trong thế giới quản trị, nhấn mạnh vào: trách nhiệm xã hội, đạo đức và tính bền vững (ESG); môi trường kinh doanh toàn cầu; quản trị sự thay đổi và tổ chức ảo; quản trị nhóm hiệu quả; ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ mới trong quản lý. Học phần giúp người học đánh giá và lựa chọn công nghệ/giải pháp quản trị mới, tích hợp kiến thức liên ngành để nhận diện cơ hội và đề xuất chiến lược kinh doanh thích ứng, thể hiện cam kết phát triển năng lực quản trị cá nhân và hình thành chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội trong kinh doanh.
23	Chuyên đề 2: Nghiên cứu marketing	0601002565	3(0,90,90)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Quản trị marketing nâng cao	Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức, kỹ năng chuyên môn cốt lõi nhằm tạo lập hệ thống cơ sở dữ liệu Marketing thông qua việc thiết kế, triển khai thực hiện một dự án nghiên cứu Marketing nhằm cung cấp thông tin cần thiết để ra các quyết định của nhà quản trị Marketing. Học phần sẽ trình bày quy trình và thực hiện dự án nghiên cứu cụ thể bao gồm: Phát hiện vấn đề và xác định mục tiêu nghiên cứu, thiết kế dự án nghiên cứu, thu thập thông tin, phân tích xử lý dữ liệu, báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.
Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 5 học phần)						

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
24	Thiết kế tổ chức	0601002566	3(36,18,90)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Pháp luật kinh tế	Thiết kế tổ chức là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh. Học phần thiết kế tổ chức cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về quy trình và phương pháp thiết kế tổ chức. Thiết kế tổ chức được tiến hành theo một quy trình liên tục từ chuẩn đoán, thiết kế đến tiến hành kiến trúc của tổ chức. Học phần cung cấp các vấn đề cốt lõi về đánh giá phạm vi, mục tiêu; chiến lược; phân tích cơ cấu; đánh giá quy trình và con người; phân tích sự phối hợp, kiểm soát và đãi ngộ. Đây là những thành phần tạo cơ sở quan trọng giúp tổ chức tiếp tục thiết kế và tiến hành kiến trúc hiệu quả.
25	Quản trị tri thức	0601003460	3(36,18,90)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không	Quản trị tri thức (KM) là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho học viên những kiến thức về quản trị tri thức trong tổ chức, doanh nghiệp bao gồm: các kiến thức tổng quan về quản trị tri thức; các hoạt động chủ yếu của quá trình quản trị tri thức; các công cụ và kỹ thuật quản trị tri thức; quy trình phát triển, vận hành và quản trị hệ thống quản trị tri thức nhằm hỗ trợ các hoạt động tác nghiệp, quản lý và điều hành trong các tổ chức, doanh nghiệp.
26	Quản trị đổi mới sáng tạo	0601002567	3(36,18,90)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Quản trị chiến lược nâng cao	Quản trị đổi mới sáng tạo là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị các khái niệm chính, mục đích, vai trò của đổi mới sáng tạo và nội dung quá trình quản trị đổi mới sáng tạo. Các mô hình đổi mới sáng tạo cũng như các mô hình tạo lập, tăng cường giá trị cho tổ chức. Các kiến thức về nguồn gốc của đổi mới sáng tạo, chiến lược đổi mới sáng tạo, ưu nhược điểm của từng loại hình chiến lược đổi mới. Học phần cung cấp cho người

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						học chiến lược, công cụ cần thiết trong thiết kế và phát triển sản phẩm để đổi mới sáng tạo và tiến hành thương mại hóa cho đổi mới sáng tạo.
27	Khởi sự kinh doanh	0601002568	3(36,18,90)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không	Khởi sự kinh doanh là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tiến trình khởi nghiệp và cách thức xây dựng mô hình kinh doanh. Trên nền tảng đó, học phần sẽ tập trung vào việc hình thành ý tưởng kinh doanh và xây dựng mô hình kinh doanh cho ý tưởng đã lựa chọn, sau đó tạo lập doanh nghiệp và triển khai các việc làm cần thiết cho một doanh nghiệp mới.
28	Quản trị sự thay đổi	0601002569	3(36,18,90)	Tự chọn	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không	Quản trị sự thay đổi là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho học viên năng lực lãnh đạo chiến lược và dẫn dắt tổ chức vượt qua các thách thức chuyển đổi phức tạp. Nội dung tập trung vào nhận diện bối cảnh, kiến tạo tầm nhìn, truyền thông thay đổi và huy động sự tham gia của nhân viên nhằm tối ưu hoá quá trình chuyển đổi tổ chức. Học viên được rèn luyện tư duy điều hành chuyên sâu thông qua phân tích thực trạng đánh giá mức độ sẵn sàng và nhận diện chính xác các điểm nghẽn thực thi để thiết kế giải pháp cải tiến bảo đảm được mục tiêu thay đổi. Đồng thời, học phần chú trọng phát triển năng lực tự thích ứng, cập nhật tri thức quản trị hiện đại và kỹ năng lập luận phản biện sắc bén dựa trên bằng chứng dữ liệu để bảo vệ phương án thay đổi trước các xung đột lợi ích từ các bên liên quan. Sau khi hoàn thành, học viên có đủ bản lĩnh và kỹ năng chuyên môn để quản trị, điều phối

STT	Học phần	Mã học phần	Phân bổ thời gian học tập STC(LT,TH/TL,TH)	Tính chất học phần	Điều kiện tham gia học phần	Tóm tắt nội dung học phần
						thành công các chương trình đổi mới trong môi trường kinh doanh biến động.
V. Tốt nghiệp (Đề án, dự án, đề án)						
29	Đề án tốt nghiệp	0601002571	9(0,540, 0)	Bắt buộc	- Học phần tiên quyết: Không - Học phần học trước: Không	Đề án tốt nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, và vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề chuyên sâu của lĩnh vực quản trị kinh doanh. Khi thực hiện đề án tốt nghiệp, học viên sẽ được đề xuất đề tài hoặc được giao đề tài và được giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học. Sau thời gian thực hiện theo quy định, học viên sẽ nộp và báo cáo đề án theo quy định.

14. Hướng dẫn thực hiện

14.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

+ Quyết định số 834/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Và các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo; các quy định hiện hành trong nhà trường: chế độ công tác giáo viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lý đối với cán bộ, giáo viên.

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của học viên, hướng dẫn học viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

14.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 2 năm, chia thành 4 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho học viên nếu xét thấy cần thiết:

○ Học kỳ I bao gồm các nội dung:

▪ Học tập: 15 tuần

▪ Thi học kỳ, dự trữ:

○ Học kỳ II bao gồm các nội dung:

▪ Nghỉ tết: 2 tuần.

▪ Học tập: 15 tuần

▪ Thi học kỳ, dự trữ:

Chú ý:

▪ Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm học viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)

▪ Học kỳ II năm học thứ hai không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

○ Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

○ Các học phần thực hành, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

15. Đánh giá và cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo

Định kỳ tối thiểu 2 năm một lần, Trưởng khoa quản lý chương trình đào tạo tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được điều chỉnh cập nhật./.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

